

TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ THẾ GIỚI 2015-2016

TÓM TẮT

CHUYỂN ĐỔI²
CÁC NỀN KINH TẾ,
THỰC HIỆN²
QUYỀN CON NGƯỜI



TÓM TẮT

TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ THẾ GIỚI 2015-2016 CHUYỂN ĐỔI CÁC NỀN KINH TẾ, THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI

Xem Báo cáo đầy đủ tại: <http://progress.unwomen.org>

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là quan điểm của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho các quan điểm của UN Women, Liên Hợp Quốc (LHQ) hoặc bất cứ tổ chức trực thuộc nào của LHQ. Các đường biên giới, tên và chỉ dẫn thể hiện và sử dụng trên các bản đồ trong báo cáo này không bao hàm bất cứ sự chứng thực hoặc chấp nhận chính thức nào của LHQ.

Để xem danh sách đầy đủ các lỗi hoặc các phần đã bỏ đi trong báo cáo sau khi đã in ra, vui lòng truy cập website của chúng tôi

Thiết kế: Blossom - Milan

In ấn: Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo và Truyền thông Vietpro

CHUYỂN ĐỔI CÁC NỀN KINH TẾ, THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI

Sau hai mươi năm kể từ Hội nghị Phụ nữ Thế giới lần thứ 4 mang tính bước ngoặt diễn ra tại Bắc Kinh, và vào thời điểm cộng đồng thế giới đang xác định các Mục tiêu Phát triển Bền vững (MTPTBV) giai đoạn hậu 2015, sự đồng thuận quốc tế về tính cấp thiết của việc thực hiện bình đẳng giới trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết.¹

Trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái là một trong những mục tiêu mà mọi tầng lớp đều mong muốn, từ các tổ chức cơ sở, công đoàn, cộng đồng doanh nghiệp tới các Quốc gia thành viên và các tổ chức liên chính phủ. Tuy vậy, câu hỏi đặt ra là việc biến sự đồng thuận này thành những tiến bộ hữu hình đã được thực hiện đến mức độ nào, và cần thêm những gì để lấp đầy khoảng cách giữa viễn cảnh và thực tế?

Kế thừa những kinh nghiệm tích cực trên khắp thế giới, Báo cáo này đề xuất một chương trình nghị sự toàn diện cho những nhà hoạt động liên quan tới chính sách chủ chốt - bao gồm các nhà vận động chính sách về bình đẳng giới, Chính phủ các quốc gia và các cơ quan quốc tế - nhằm hiện thực hóa các quyền con người cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.

Chính phủ các nước ở mỗi khu vực đã đưa ra các cam kết có tính ràng buộc về mặt pháp lý đối với việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người của phụ nữ, công nhận giá trị nội tại của họ cũng như các giá trị cộng hưởng giữa quyền của phụ nữ và sự thịnh vượng rộng lớn hơn. Khả năng tiếp cận của phụ nữ tới việc làm bền vững không chỉ mang lại khả năng cải thiện chính công việc của họ và các động lực phân phối trong hộ gia đình mà còn giúp các hộ gia đình thoát nghèo. Cải thiện về sức khỏe và giáo dục của phụ nữ là những yếu tố chủ chốt đóng góp cho an sinh của bản thân người phụ nữ, các cơ hội trong cuộc sống của họ cũng như mang lại lợi ích tốt hơn cho cuộc sống của con cái họ. Về lâu dài, các xã hội và nền kinh tế chỉ có thể thịnh vượng nếu tận dụng đầy đủ các kỹ năng và năng lực của phụ nữ.

Từ Hội nghị tại Bắc Kinh tới nay, những thành tựu đáng kể đã đạt được bao gồm: nhiều trẻ em gái được đi học; số lượng phụ nữ đang làm việc, được bầu và ứng cử vào các vị trí lãnh đạo tăng lên. Bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái từng được coi là vấn đề mang tính cá nhân, thì hiện nay công tác phòng ngừa và giải quyết nạn bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái cuối cùng đã được đưa vào chương trình chính sách

công. Phụ nữ có nhiều quyền hơn về pháp lý để có thể tiếp cận các cơ hội việc làm, sở hữu và thừa kế bất động sản, có quyền kết hôn và ly hôn bình đẳng như nam giới. Tiến bộ trong các lĩnh vực này cho thấy có thể giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng giới thông qua can thiệp công.

Tuy nhiên, những thay đổi quan trọng này vẫn chưa mang lại kết quả cuối cùng là bình đẳng cho cả phụ nữ và nam giới. Trên toàn cầu, 3/4 tổng số nam giới trong độ tuổi lao động hiện đang tham gia lực lượng lao động so với tỉ lệ này ở nữ giới là 1/2.² Trong số những người có việc làm, phụ nữ chiếm gần 2/3 trong số những 'người lao động đóng góp cho gia đình', là những người làm kinh doanh gia đình và không hưởng lương trực tiếp.³ Ở bất cứ đâu, phụ nữ cũng có thể không được trả công ngang bằng như nam giới đối với các công việc có giá trị tương đương và có thể ít được hưởng lương hưu hơn nam giới, gây ra những vấn đề bất bình đẳng lớn về thu nhập trong suốt cuộc đời của họ. Trên toàn cầu, thu nhập của phụ nữ ít hơn thu nhập của nam giới 24%, và thậm chí ở những quốc gia có chính sách ngày càng hỗ trợ việc làm cho nữ giới như Đức, thu nhập của phụ nữ cũng chỉ bằng một nửa của nam giới trong suốt cuộc đời họ.⁴ Mặc dù vậy, tại tất cả các khu vực trên thế giới, phụ nữ làm việc nhiều hơn nam giới: họ làm nhiều hơn nam giới gần gấp 2,5 lần trong các công việc gia đình và chăm sóc không được trả công. Và nếu tính gộp cả công việc được trả công lương và không được trả công, phụ nữ ở hầu hết các quốc gia hàng ngày làm việc nhiều giờ hơn nam giới.⁵

Báo cáo này tập trung vào các góc độ kinh tế và xã hội của bình đẳng giới, bao gồm quyền của mọi phụ nữ có được một việc làm tốt, được trả lương công bằng và điều kiện làm việc an toàn, quyền được hưởng lương hưu đầy đủ khi về già, quyền được chăm sóc sức khỏe và sử dụng nguồn nước an toàn mà không có bất kỳ phân biệt đối xử nào do các yếu tố như tình hình kinh tế - xã hội, vị trí địa lý, chủng tộc hay dân tộc. Để làm được điều này, báo cáo tập trung chỉ ra một số thách thức và mâu thuẫn mà thế giới ngày nay đang phải đối mặt: trong khi phụ nữ và trẻ em gái hầu như đã có cơ hội bình đẳng về giáo dục nhưng chỉ có một nửa số phụ nữ trong độ tuổi lao động hiện tham gia lực lượng lao động trên toàn cầu, và thu nhập của phụ nữ vẫn tiếp tục ít hơn nam giới? Trong thời đại thế giới phát triển với tốc độ chưa từng

có như hiện nay, vẫn còn số lượng lớn phụ nữ chưa được hưởng quyền tiếp cận các tiêu chuẩn tối thiểu nhất về chăm sóc sức khỏe, nước sinh hoạt và điều kiện vệ sinh.

Như trong Báo cáo đã chỉ ra, những bất bình đẳng này là không thể tránh khỏi. Các chính sách kinh tế và xã hội có thể góp phần kiến tạo các nền kinh tế mạnh mẽ hơn cũng như các xã hội bền vững hơn và bình đẳng về giới hơn nếu như những chính sách đó được thiết kế và thực thi với quyền của phụ nữ ở vị trí trung tâm.

BỐI CẢNH TOÀN CẦU THÁCH THỨC QUYỀN CỦA PHỤ NỮ

Thế giới đã thay đổi đáng kể kể từ hội nghị Bắc Kinh năm 1995. Sự gia tăng của chủ nghĩa cực đoan, xung đột bạo lực leo thang, các cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn, giá thực phẩm và năng lượng biến động, an ninh lương thực không được đảm bảo, thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu đã làm trầm trọng hơn tính dễ bị tổn thương và gia tăng bất bình đẳng. Toàn cầu hóa tài chính, tự do hóa thương mại, tư nhân hóa các dịch vụ công đang diễn ra và vai trò ngày càng mở rộng của lợi ích doanh nghiệp trong quá trình phát triển đã chuyển quan hệ quyền lực theo cách làm suy yếu sự thụ hưởng các quyền con người và xây dựng sinh kế bền vững. Thế giới hiện nay giàu có hơn nhưng đồng thời cũng bất bình đẳng hơn so với bất kỳ thời điểm nào kể từ Thế chiến II. 1% số dân giàu nhất thế giới hiện đang sở hữu khoảng 40% tài sản của thế giới, trong khi một nửa dân số còn lại chỉ sở hữu không quá 1% tổng số tài sản thế giới.⁶

Khoảng cách giữa phụ nữ giàu và nghèo vẫn còn lớn giữa các quốc gia và trong nội bộ từng quốc gia. Một phụ nữ ở Sierra Leone có nguy cơ tử vong khi sinh con cao hơn 100 lần so với phụ nữ ở Canada.⁷ Tại các nước kém phát triển nhất, cơ hội một phụ nữ sống ở nông thôn có được bác sĩ có chuyên môn đỡ đẻ ít hơn 38% so với một người phụ nữ sống ở thành phố.⁸ Tại Châu Mỹ La tinh, tỉ lệ mù chữ ở phụ nữ dân tộc thiểu số thường cao hơn 2 lần so với tỉ lệ này ở phụ nữ không phải dân tộc thiểu số.⁹ Từ năm 2000, những khoảng cách rõ rệt này đã thu hẹp ở một số quốc gia, nhưng ở các quốc gia khác, khoảng cách này trên thực tế lại mở rộng hơn.¹⁰ Phân biệt đối xử về giới kết hợp với các bất lợi khác do tình trạng kinh tế - xã hội, vị trí địa lý, chủng tộc, tầng lớp và dân tộc, tính dục hoặc khuyết tật hạn chế cơ hội và khả năng trong cuộc sống của phụ nữ và trẻ em gái.

Bảy năm sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, thế giới tiếp tục phải vật lộn với tình hình tăng trưởng thấp và tình trạng thất nghiệp cao. Các nhà hoạch

định chính sách tại các quốc gia giàu và nghèo đều phải đối mặt với những thách thức to lớn trong việc tạo ra đủ việc làm bền vững cho tất cả những người cần việc làm. Ngoài ra, các chính sách thất lung bụng ở cả các nước phát triển và đang phát triển đang chuyển gánh nặng quản lý và chăm sóc về phía gia đình và lên vai những người phụ nữ và trẻ em gái.¹¹

Những thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu cũng chưa mang lại lợi ích cho đa số nam giới. Ví dụ, một số quốc gia khoảng cách lương về giới đã thu hẹp nhưng tiền lương thực tế cho cả nam và nữ đều giảm, và khoảng cách về lương được thu hẹp chỉ vì mức lương của nam giới đã bị giảm mạnh hơn so với mức lương của phụ nữ. Điều này khó có thể được xem là "tiến bộ", bởi thay vì phụ nữ bắt kịp với nam giới thì mức lương của cả nam và nữ lại giảm đi.

Để ứng phó với những thách thức này, một loạt các tổ chức - các cơ quan song phương và đa phương, các chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân đã công nhận sự cần thiết phải tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ. Một số tổ chức nhận thấy phụ nữ là khách hàng tiêu dùng tiềm năng chưa được khai thác, trong khi số khác lại bàn về cơ hội 'mở ra khả năng và tiềm năng kinh tế của phụ nữ'¹² và coi đây là một cách thức giải quyết các vấn đề dai dẳng gây ra bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu và tăng trưởng đình trệ. Mặc dù bình đẳng giới rõ ràng đóng góp cho các mục tiêu kinh tế và xã hội rộng hơn, nhưng không phải tất cả các con đường đi tới phát triển kinh tế đều thúc đẩy bình đẳng giới.¹³ Trên thực tế, một số mô hình tăng trưởng kinh tế đều lấy tiền đề từ việc duy trì bất bình đẳng giới trong điều kiện làm việc và thu nhập cũng như các hình thức công việc không được trả công không bình đẳng giao phó cho phụ nữ các công việc nhà cực nhọc. Nếu không có một khung giám sát dựa trên quyền con người thì khó có thể xác định được những cam kết trao quyền cho phụ nữ có được thực hiện một cách đầy đủ hay không. Do đó, Báo cáo này nhấn mạnh tầm quan trọng của quyền phụ nữ như là 'mục đích cuối cùng' và 'phương thức' phát triển hiệu quả.

BÌNH ĐẲNG THỰC CHẤT: BIẾN QUYỀN CỦA PHỤ NỮ THÀNH HIỆN THỰC

Các Luật quy định phụ nữ và nam giới có quyền bình đẳng là cơ sở quan trọng để đòi hỏi và đạt được bình đẳng trên thực tế. Các luật này có thể là một điểm tham chiếu trung tâm cho những cuộc đấu tranh chính trị và văn hóa, thúc đẩy những thay đổi về chuẩn mực xã hội và thái độ nói chung cũng như đưa tới các thay đổi về mặt chính sách. Nhưng để biến quyền của phụ nữ thành hiện thực cần nhiều can thiệp hơn là chỉ cải cách pháp luật.

Bình đẳng không tự nhiên chuyển thành các kết quả công bằng trước khi có luật. Ngay cả khi đã có luật bình đẳng giới thì những bất bình đẳng mang tính cực đoan, các chuẩn mực xã hội có sự phân biệt đối xử, các tập tục có hại cũng như các mô hình phát triển kinh tế mang tính thống trị vẫn có thể làm suy giảm việc thực hiện và các tác động tích cực của luật.

Các điều ước quốc tế về quyền con người, ví dụ như Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và văn hóa (ICESCR), đều chứa đựng các cam kết mang tính ràng buộc về mặt pháp lý, đòi hỏi các Quốc gia thành viên phải tôn trọng, bảo vệ và thực thi các quyền của phụ nữ. Như vậy, các điều ước này đều thể hiện cách hiểu cơ bản về bình đẳng giới, do đó có thể coi là tầm nhìn và chương trình hành động cho những người đang cố gắng thúc đẩy quyền của phụ nữ trong bối cảnh đầy thách thức hiện nay. Trong khi bình đẳng hình thức đề cập đến việc áp dụng luật và chính sách bình đẳng với phụ nữ và nam giới thì bình đẳng thực chất lại quan tâm tới kết quả và kết quả dài hạn của những luật và chính sách này: 'đảm bảo rằng pháp luật và chính sách không duy trì, mà thay vào đó, làm giảm tình trạng yếu thế cố hữu mà các nhóm riêng trải nghiệm'.¹⁴

Báo cáo này sử dụng các chuẩn mực quốc tế về quyền con người để đánh giá hiệu quả thực tế của chính sách và pháp luật đối với phụ nữ và trẻ em gái. Từ quan điểm này, việc đạt được bình đẳng thực chất đòi hỏi phải có những can thiệp trên ba lĩnh vực có mối liên quan với nhau: khắc phục thiệt thòi về kinh tế-xã hội của phụ nữ; giải quyết vấn đề về định kiến/khuôn mẫu, kỳ thị và bạo lực; và tăng cường khả năng xác định và thực hiện mục tiêu của phụ nữ, tiếng nói và sự tham gia của họ. Các can thiệp công mang tính phối hợp trên tất cả ba góc độ này có khả năng thúc đẩy những chuyển biến lâu dài cần thiết để đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ (xem Hình 1).

Chỉ tăng cường số lượng hay còn gọi là 'cào bằng' sẽ không có hiệu quả. Mặc dù mục tiêu cân bằng số lượng nam và nữ được tiếp cận với giáo dục, việc làm và an sinh xã hội quan trọng nhưng điều này không đồng nghĩa với việc mọi công dân được thụ hưởng đầy đủ các quyền hay bình đẳng thực chất. Thay vì chỉ đơn giản đưa nhiều trẻ em gái vào các hệ thống giáo dục không được đầu tư đầy đủ thì trường học cần đảm bảo chất lượng giảng dạy và môi trường học tập an toàn cho trẻ em gái và trẻ em trai, cũng như cần đóng góp vào việc thúc đẩy bình đẳng bằng cách áp dụng các chương trình đào tạo tiến bộ và

có đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản. Thay vì tăng số lượng phụ nữ làm các công việc bấp bênh và không được trả lương xứng đáng thì các thị trường lao động cần phải được chuyển đổi theo cách có hiệu quả cho cả phụ nữ và nam giới, cũng như đem lại lợi ích cho xã hội nói chung. Bình đẳng thực chất đòi hỏi chuyển đổi nền tảng của các thể chế kinh tế và xã hội - bao gồm tín ngưỡng, chuẩn mực và thái độ tạo nên những thể chế này - ở mọi tầng lớp xã hội, từ hộ gia đình đến các thị trường lao động và từ các cộng đồng tới các thể chế quản lý cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu.

Tiến độ đạt được bình đẳng thực chất cần được đo lường dựa trên mức độ thực hiện quyền của phụ nữ và trẻ em gái nghèo và yếu thế. Do vậy, điều quan trọng là phải nhìn xa hơn các mức 'trung bình' để đảm bảo rằng tất cả phụ nữ đều có thể được hưởng các quyền của họ. Quyền cũng mang tính bất khả phân: làm sao phụ nữ có thể đòi quyền được chăm sóc sức khỏe có chất lượng, có điều kiện làm việc tốt hoặc được sở hữu đất đai để trồng cây lương thực khi họ không được cung cấp thông tin về pháp luật, chính sách và phân bổ ngân sách nhà nước và không được quyền hoạt động có tổ chức để đòi các quyền đó? Quyền tham gia lập và giám sát việc sử dụng ngân sách công tạo động lực đảm bảo các dịch vụ công đáp ứng tốt hơn nhu cầu của phụ nữ. Đồng thời, khả năng tiếp cận các dịch vụ chất lượng cao cũng hỗ trợ quyền đi làm của phụ nữ, từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp.

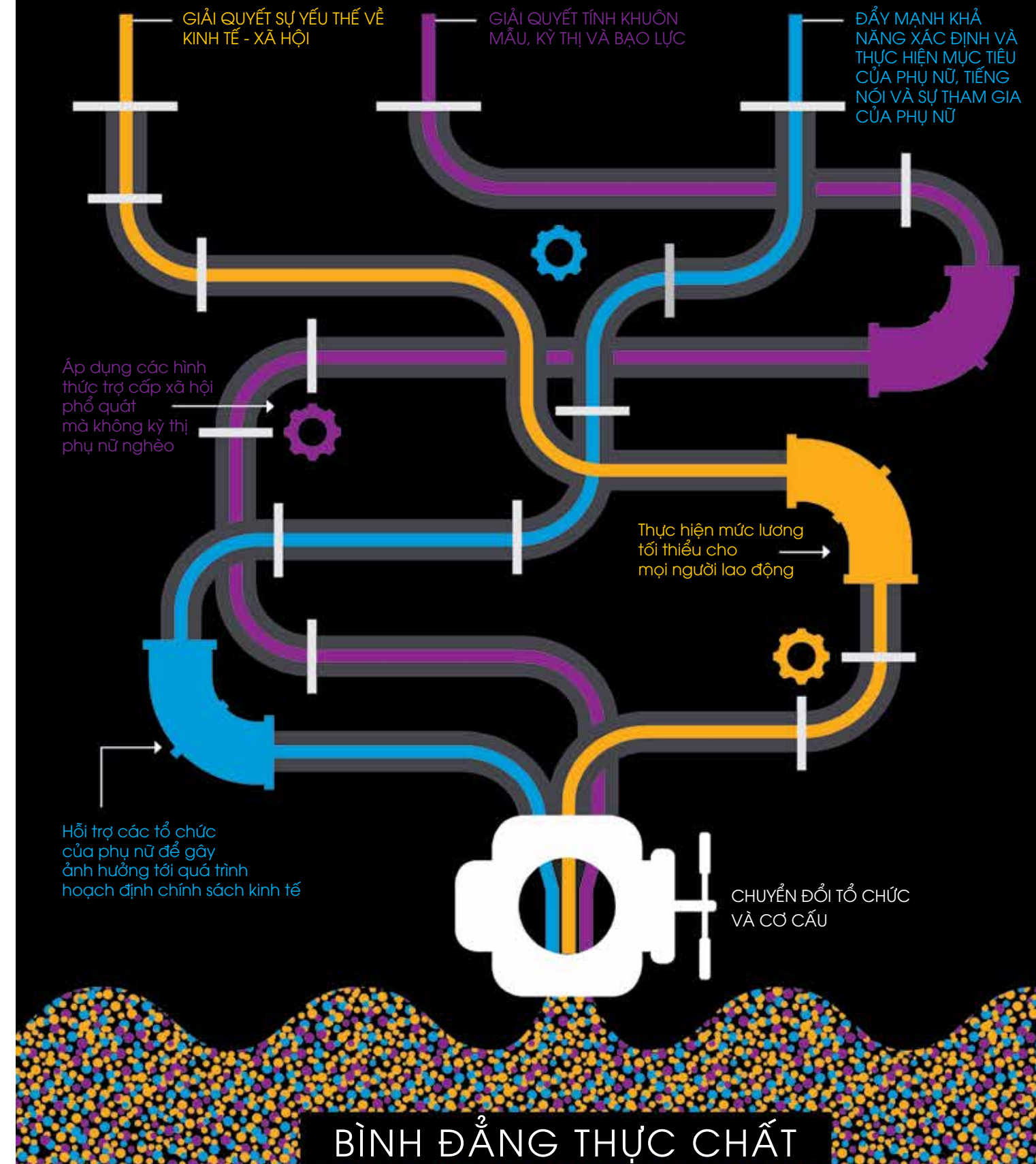
CHUYỂN ĐỔI CÁC NỀN KINH TẾ, THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI: CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Để hỗ trợ bình đẳng thực chất, các chính sách kinh tế và xã hội cần phải mang tính phối hợp và hài hòa với nhau. Thông thường, vai trò của các chính sách kinh tế sẽ được nhìn nhận chủ yếu về mặt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong khi các chính sách xã hội lại có nghĩa vụ phải giải quyết những hậu quả của tăng trưởng kinh tế thông qua giải quyết các vấn đề về nghèo đói, thiệt thòi và giảm bất bình đẳng. Tuy nhiên, các chính sách kinh tế vĩ mô có thể theo đuổi một loạt các mục tiêu rộng lớn hơn, bao gồm bình đẳng giới và công bằng xã hội. Ngược lại, các chính sách xã hội nếu được thiết kế tốt sẽ có thể nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế vĩ mô và phục hồi sau khủng hoảng thông qua các biện pháp tái phân bổ, qua đó giúp tăng số lượng việc làm, năng suất và tổng cầu.

Mục đích cuối cùng là nhằm tạo ra một chu kỳ đúng đắn thông qua tạo việc làm bền vững và các dịch vụ

Hình 1

KHUNG KIẾN THỨC VỀ BÌNH ĐẲNG THỰC CHẤT



xã hội và bảo trợ xã hội có trách nhiệm giới, đồng thời thúc đẩy các chính sách kinh tế vĩ mô ưu tiên đầu tư vào con người và hướng tới các mục tiêu xã hội. Cần có hành động trên 3 lĩnh vực ưu tiên sau nhằm chuyển đổi các nền kinh tế và hiện thực hóa các quyền kinh tế và xã hội của phụ nữ: việc làm bền vững cho phụ nữ, các chính sách xã hội có trách nhiệm giới và các chính sách kinh tế vĩ mô dựa trên quyền.

Chuyển đổi công việc vì quyền của phụ nữ

Việc làm được trả công có thể đóng vai trò là nền tảng cho bình đẳng thực chất đối với phụ nữ, chỉ khi nó đồng hành cùng sự chia sẻ trách nhiệm đối với các công việc chăm sóc không được trả công giữa nam giới và phụ nữ; khi việc làm được trả công đảm bảo cho phụ nữ có đủ thời gian giải trí và học tập; đảm bảo thu nhập đủ để duy trì một mức sống thỏa đáng; và khi phụ nữ được tôn trọng tại nơi làm việc.

Tuy nhiên, loại công việc này vẫn còn khan hiếm, và các chính sách kinh tế ở tất cả các khu vực đang vật lộn để tạo ra đủ việc làm bền vững cho người lao động. Hơn nữa, một loạt các cơ hội dành cho phụ nữ vẫn còn hạn chế do những định kiến giới phổ biến và những tục lệ mang tính phân biệt đối xử trong gia đình và các thị trường lao động. Kết quả là, đa số phụ nữ vẫn đang làm các công việc bất bênh, phi chính thức.

Trách nhiệm nặng nề của người phụ nữ đối với các công việc chăm sóc không được trả công và việc nhà thường hạn chế các loại hình việc làm mà phụ nữ có thể đảm nhận. Điều này làm gia tăng thiệt thòi về kinh tế-xã hội của họ. Các biện pháp nhằm giảm thiểu gánh nặng của công việc không được trả công bao gồm đầu tư vào cơ sở hạ tầng tiết kiệm thời gian, các dịch vụ chăm sóc trẻ em và các chính sách nghỉ thai sản của cha mẹ có thể giúp phụ nữ có thêm thời gian cho các công việc được trả lương và có nhiều sự lựa chọn hơn.

Đi đôi với các chính sách kinh tế có thể tạo ra công ăn việc làm bền vững thì cần có các biện pháp giải quyết tình trạng đánh giá thấp 'công việc chỉ dành cho phụ nữ', dẫn tới phân biệt đối xử trong nghề nghiệp và khoảng cách giới trong trả lương. Phụ nữ trong khu vực phi chính thức cần được hưởng các quyền về lao động và bảo trợ xã hội, đồng thời cần có sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng cơ bản, chẳng hạn như khu vực kinh doanh an toàn và an ninh tốt tại các thành phố - cũng như nỗ lực nhằm tăng khả năng tiếp cận thị trường của phụ nữ nông thôn.

Xây dựng các chính sách xã hội đảm bảo lợi ích cho phụ nữ

Trợ cấp xã hội - bao gồm trợ cấp cho gia đình, trợ

cấp thất nghiệp và lương hưu - bảo vệ phụ nữ và nam giới khi họ gặp phải bất trắc như thất nghiệp hoặc khi về già. Trợ cấp xã hội cũng giúp các gia đình giảm bớt các chi phí nuôi con hoặc chăm sóc những thành viên phụ thuộc khác - là những thách thức ngày càng trở nên cấp bách hơn khi chúng ta phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số và thay đổi cấu trúc gia đình. Các dịch vụ công góp phần đảm bảo trực tiếp các quyền của phụ nữ cũng quan trọng không kém và thậm chí có tác động lớn hơn so với trợ cấp xã hội giảm nghèo và bất bình đẳng.

Con đường tốt nhất để công nhận quyền kinh tế và xã hội cho tất cả mọi người là chính sách xã hội toàn diện, kết hợp yếu tố tiếp cận toàn dân với các dịch vụ bảo trợ xã hội thông qua các hệ thống trợ cấp xã hội. Hiện nay, chỉ có 27% dân số thế giới được tiếp cận đầy đủ tới dịch vụ bảo trợ xã hội, trong khi 73% chỉ được tiếp cận một phần hoặc không hề được tiếp cận.¹⁵ Phụ nữ thường chiếm tỉ lệ lớn trong số những người không được tiếp cận.

Để có thể góp phần tạo ra bình đẳng thực chất, các chính sách xã hội phải được thiết kế với các quyền của phụ nữ được đặt ở vị trí trung tâm. Cần có sự quan tâm đặc biệt để đảm bảo các chính sách như trợ cấp tiền mặt có điều kiện, thường nhằm vào phụ nữ, có thể khắc phục thiệt thòi về kinh tế - xã hội mà không làm tăng thêm định kiến giới hay kỳ thị đối với những người cần sự hỗ trợ. Đầu tư xây dựng thêm cũng như nâng cao chất lượng các dịch vụ - bao gồm các dịch vụ y tế và chăm sóc trẻ em, nước sạch và vệ sinh - là rất quan trọng để giải quyết nhu cầu sát sườn của phụ nữ và đảm bảo thu nhập ổn định của họ về lâu về dài.

Tiến tới một môi trường kinh tế vĩ mô mang tính trao quyền

Do chính sách kinh tế vĩ mô được coi là 'trung tính về giới' nên từ trước tới nay, chính sách này chưa hỗ trợ mục tiêu bình đẳng thực chất cho phụ nữ. Theo quan điểm quyền con người, chính sách kinh tế vĩ mô cần theo đuổi một loạt các mục tiêu xã hội rộng lớn, nghĩa là cần mở rộng các mục tiêu của chính sách tiền tệ, bao gồm tạo ra việc làm bền vững, huy động các nguồn lực khuyến khích đầu tư vào các dịch vụ xã hội và trợ cấp, cũng như tạo ra các kênh cho các tổ chức xã hội dân sự tham gia hiệu quả, trong đó có các phong trào phụ nữ và quá trình ra quyết định kinh tế vĩ mô.

Chính sách tiền tệ thắt chặt về cơ bản hướng tới một mục tiêu quan trọng nhất là giảm lạm phát, và vì vậy đi kèm với chính sách này một loạt công cụ chính sách nhằm kiểm soát lạm phát.

Tuy nhiên, còn có các lựa chọn chính sách khác. Sau cuộc khủng hoảng năm 2008, nhiều ngân hàng trung ương đã thay đổi cách thức tiếp cận đối với chính sách tiền tệ bằng cách thúc đẩy hoạt động kinh tế thực tế nhằm đảm bảo việc làm hơn là chỉ tập trung vào giảm lạm phát. Đối với công cụ chính sách tài khóa, các nước có thể huy động nguồn lực cho các dịch vụ xã hội và bảo trợ xã hội mang tính nhạy cảm giới thông qua thực thi các nghĩa vụ thuế hiện hành, tái ưu tiên chi tiêu và mở rộng cơ sở tính thuế chung, cũng như thông qua vay quốc tế và hỗ trợ phát triển.

Hợp tác chính sách toàn cầu là vô cùng quan trọng giúp tạo ra môi trường kinh tế vĩ mô tác động hiệu quả tới thực hiện quyền của phụ nữ. Sự hội nhập ngày càng tăng của các nền kinh tế thế giới đồng nghĩa với việc các can thiệp của chính phủ quốc gia này sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện các quyền con người ở các quốc gia khác. Hợp tác toàn cầu để thực hiện các quyền kinh tế, xã hội chỉ có thể thực hiện được nếu các tổ chức quản trị toàn cầu như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), nhóm các nước đang phát triển (G20) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được dân chủ hóa; và chỉ khi các thể chế quyền lực trên toàn cầu, từ chính quyền trong nước tới các tổ chức xuyên quốc gia, công nhận nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền con người vượt ra ngoài lãnh thổ của các quốc gia đó.

CHIA SẺ TRÁCH NHIỆM VÀ HÀNH ĐỘNG TẬP THỂ VÌ QUYỀN PHỤ NỮ

Quyền con người nhấn mạnh đến phẩm giá và tự do cá nhân, nhưng việc thực thi quyền con người lại phụ thuộc rất nhiều vào sự đoàn kết và hành động tập thể. Việc thực thi các chính sách về bình đẳng thực chất đòi hỏi nguồn tài chính mang tính tập thể, lý tưởng nhất là thông qua thuế lũy tiến.

Nếu chỉ giới hạn mục tiêu bảo trợ xã hội vào các hộ gia đình nghèo nhất thì có thể giúp chi phí tiếp cận dịch vụ bảo trợ xã hội phải chằng hơn, tuy nhiên chưa chắc đã đảm bảo các hệ thống bảo trợ xã hội toàn dân sẽ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, có thể mở rộng các nguồn tài trợ cho các hệ thống bảo trợ xã hội toàn dân thông qua khuyến khích các nhóm thu nhập trung bình hoặc cao hơn nộp thuế đảm bảo cho các hệ thống giáo dục, y tế hoặc lương hưu được vận hành tốt bởi chính họ cũng là những người sử dụng các hệ thống này.¹⁶

Hành động tập thể cũng đặc biệt quan trọng. Những phụ nữ chịu ảnh hưởng của nhiều hình thức

phân biệt đối xử khác nhau và đan xen lẫn nhau, trước hết cần phải hiểu và đấu tranh cho quyền của họ. Sẽ có chuyển biến khi phụ nữ tập hợp lại để bàn thảo về những bất công và đưa ra hành động mang tính tập thể để tìm kiếm giải pháp. Phụ nữ tập hợp, đoàn kết lại cùng sức mạnh của các phong trào do chính họ khởi xướng và lãnh đạo là yếu tố dự báo tốt nhất cho pháp luật và chính sách về bình đẳng giới trên khắp các lĩnh vực, từ pháp luật gia đình tới bạo lực đối với phụ nữ và từ không phân biệt đối xử trong việc làm tới các dịch vụ chăm sóc trẻ em.¹⁷

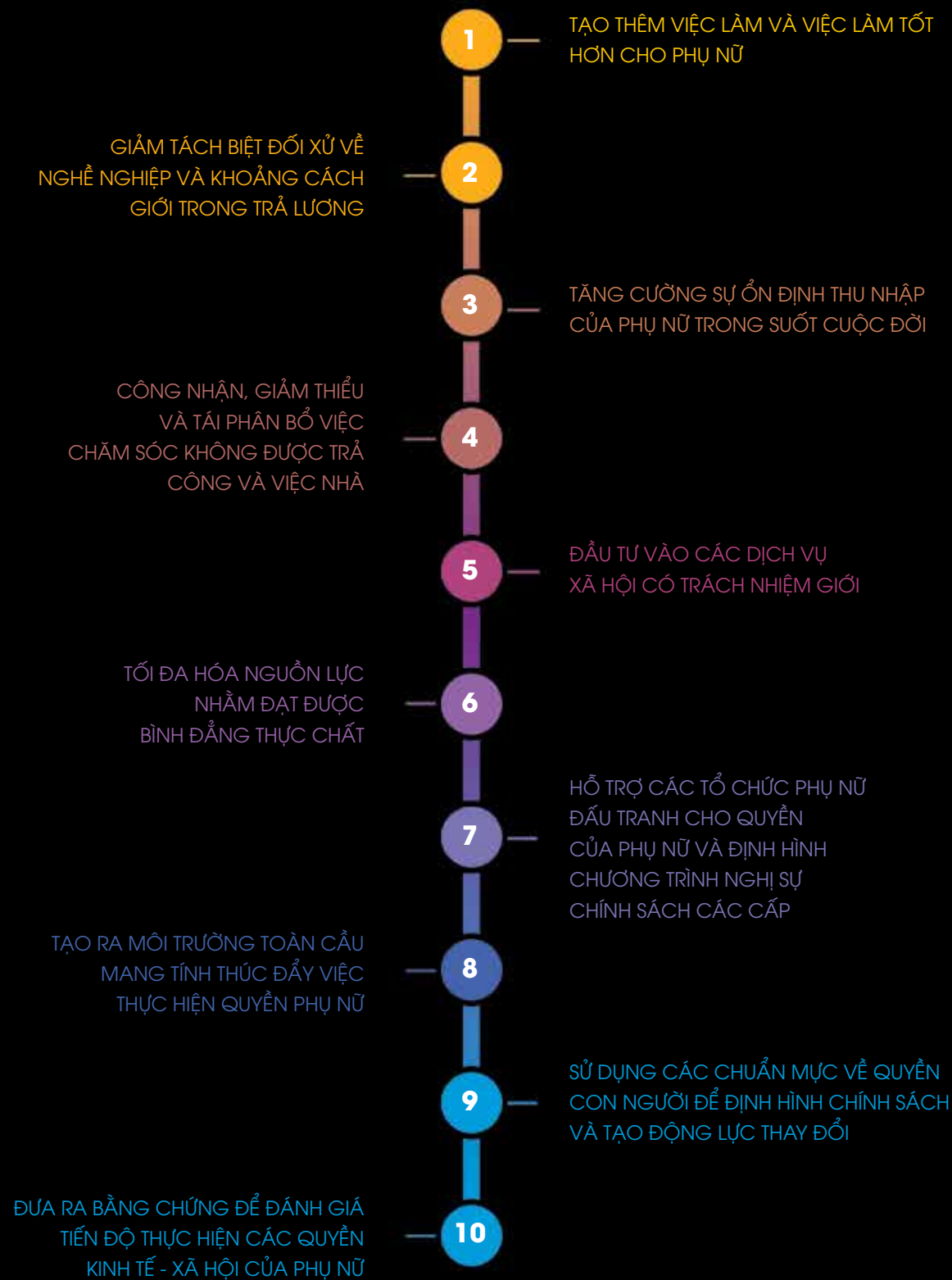
Khả năng đạt được bình đẳng thực chất cao nhất khi những yêu cầu và ý kiến của các nhóm phụ nữ có tổ chức được các cơ quan có thẩm quyền đón nhận, và khi có các cơ chế như tham vấn cộng đồng và các quá trình dân nguyện/kiến nghị, hoặc sự vào cuộc của các ủy ban Quốc hội, thông qua đó phụ nữ có thể nêu rõ yêu cầu của mình và nhu cầu chính sách một cách hợp pháp.

ĐỊNH HƯỚNG CHO TƯƠNG LAI: CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ VỀ CAN THIỆP CÔNG

Báo cáo đưa ra mười ưu tiên cho can thiệp công. Các ưu tiên này đặt ra khung thời gian cho các yêu cầu bắt buộc nhằm tạo ra việc làm bền vững, triển khai các chính sách xã hội có trách nhiệm giới và áp dụng khung chính sách về kinh tế vĩ mô dựa trên quyền. Các ưu tiên này cũng nhấn mạnh nhu cầu về huy động nguồn lực, môi trường toàn cầu mang tính thúc đẩy, hỗ trợ các tổ chức phụ nữ và mở rộng bằng chứng về quyền kinh tế và xã hội của phụ nữ, nhằm đạt được bình đẳng thực chất. Các ưu tiên này cần được thảo luận kỹ lưỡng và tinh chỉnh thông qua đối thoại mở có sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội dân sự đại diện cho lợi ích của phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là các nhóm thiệt thòi và yếu thế nhất.

Năng lực thúc đẩy bình đẳng thực chất đối với phụ nữ giữa các quốc gia khác nhau, tùy theo quy mô và mức độ phát triển của quốc gia đó. Các công ước quốc tế về quyền con người đã nêu rõ những nghĩa vụ cốt lõi mà các Quốc gia cần phải thực hiện ngay lập tức, bao gồm nguyên tắc về không phân biệt đối xử và bình đẳng trong thụ hưởng các quyền, cũng như đáp ứng các mức độ cần thiết tối thiểu của các quyền. Các quốc gia cũng phải đảm bảo việc thực hiện các quyền sẽ tăng dần theo thời gian và bảo vệ quyền để việc thực hiện quyền không bị thụ lùi. Tuy nhiên, trong khuôn khổ các ưu tiên can thiệp công này, các quốc gia có cơ hội xác định con đường và lựa chọn chính sách riêng phù hợp với đặc thù bối cảnh đất nước để đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ.

10 ƯU TIÊN CHO CAN THIỆP CÔNG



1. TẠO THÊM VIỆC LÀM VÀ VIỆC LÀM TỐT HƠN CHO PHỤ NỮ

Thu nhập từ lao động là nền tảng đối với sinh kế của người dân và các cơ hội trong đời. Tuy nhiên, ở cấp độ toàn cầu, tỉ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động lại chững lại (xem Hình 2). Ngoài ra, các chính sách kinh tế không thể tạo ra đủ việc làm bền vững, khiến người dân khó có thể tìm cách thoát nghèo. Điều này đặc biệt đúng đối với phụ nữ, là đối tượng chiếm đa số những người có công việc bấp bênh, không chính thức và nhận mức lương thấp. Xu hướng này sẽ có thể đảo ngược, nếu có các chính sách kinh tế và xã hội đúng đắn (xem Hộp 1).

Một số biện pháp cụ thể cần triển khai nhằm tạo thêm việc làm và việc làm tốt hơn cho phụ nữ:

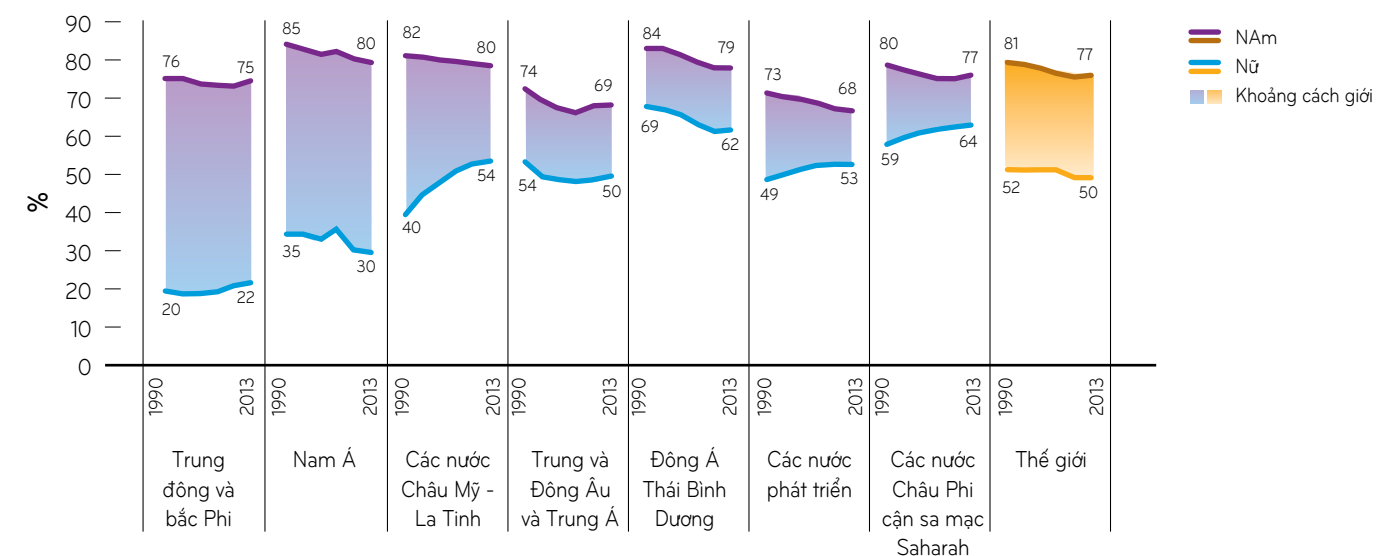
- Thiết kế các chính sách kinh tế vĩ mô thúc đẩy hoạt động kinh tế và tăng nhu cầu lao động hơn là tập trung vào các chỉ tiêu quá hạn hẹp như duy trì lạm phát ở mức rất thấp

- Đầu tư vào các dịch vụ công nhằm tạo ra việc làm bền vững trong các dịch vụ y tế, giáo dục, chăm sóc trẻ em vào người già, hành chính công và khuyến nông
- Tăng khả năng và thu nhập cho lao động tự do thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông và các cơ sở hạ tầng khác, khả năng tiếp cận thị trường, tập huấn và trợ cấp tín dụng
- Đưa lao động nữ trong khu vực phi chính thức tham gia vào quá trình quy hoạch đô thị và ra quyết định nhằm đảm bảo môi trường đô thị thuận lợi cho công việc của họ cũng như cung cấp các điều kiện làm việc tốt và an toàn cho phụ nữ
- Tăng cường dịch vụ đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên vợ và chồng, các dịch vụ khuyến nông, trợ giá đầu vào và các biện pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận thị trường cho các nữ nông dân quy mô nhỏ.

Hình 2

Tỉ lệ tham gia lực lượng lao động theo giới tính và khu vực, 1990-2013

→ Trên toàn cầu, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ tăng rất chậm, mặc dù có sự khác nhau đáng kể giữa các khu vực với nhau



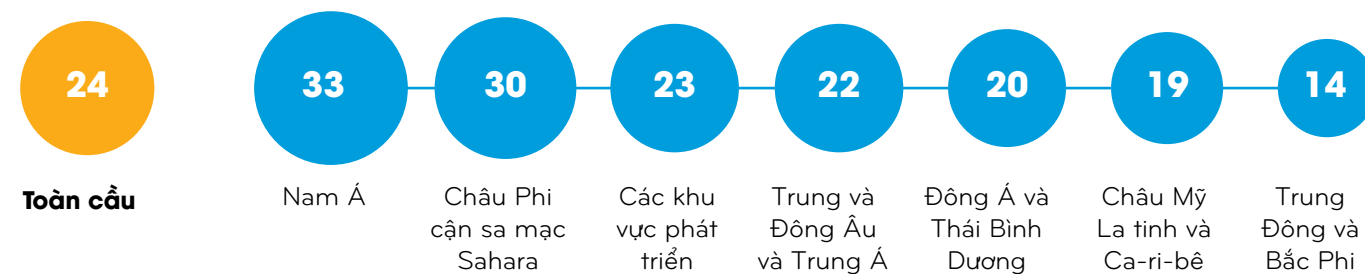
Nguồn: Các tỉ lệ bình quân do UN Women tính toán, sử dụng dữ liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), 2015. "Các chỉ số chính trong Cơ sở dữ liệu Thị trường lao động (KILM)". Truy cập vào Tháng 1/ 2015. Ghi chú: Xem phần chia nhóm theo khu vực của UN Women về danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ bao gồm trong mỗi khu vực tại Phụ lục 7, Tiến bộ của Phụ nữ thế giới 2015-2016.

2. GIẢM PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỀ NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOẢNG CÁCH GIỚI TRONG TRẢ LƯƠNG

Hình 3

Khoảng cách giới trong trả lương chưa được điều chỉnh, tỉ lệ % theo khu vực địa lý

→ Trên toàn cầu, thu nhập trung bình của phụ nữ ít hơn nam giới 24% và có sự khác nhau giữa các khu vực



Ghi chú: Xem Phụ lục 4 trong Tiến bộ của Phụ nữ Thế giới 2015-2016, để có danh mục đầy đủ nguồn trích dẫn và ghi chú.

Phân biệt đối xử về nghề nghiệp trên cơ sở giới lan rộng trên tất cả các khu vực. Trên toàn cầu, phụ nữ chiếm tỉ lệ rất lớn trong các vị trí thư ký và hỗ trợ (63%) so với các công việc quản lý (33%).¹⁸ Ngoài phân biệt đối xử về nghề nghiệp, khoảng cách lớn về giới trong trả lương cũng thường thấy ở phần lớn các thị trường lao động (xem Hình 3).¹⁹

Nếu không khắc phục được thiệt thòi về kinh tế-xã hội của phụ nữ do phân biệt đối xử về nghề nghiệp và bất bình đẳng trong thu nhập gây nên thì rất khó đạt được bình đẳng thực chất. Các can thiệp công cần phải giải quyết những nguyên

nhân gốc rễ của tình trạng phân biệt đối xử về nghề nghiệp, bao gồm sự khác biệt trong giáo dục, đào tạo và kinh nghiệm, cũng như những khuôn mẫu thâm căn cố đế về vai trò của phụ nữ và nam giới trong xã hội thông qua:

- Đánh giá một cách đúng đắn những nghề nghiệp mà phụ nữ chiếm đa số, bao gồm các công việc chăm sóc, để phụ nữ được hưởng mức lương hoặc mức trả công tương xứng với kỹ năng của người lao động và những đóng góp của công việc của họ đối với sự vận hành trôi chảy của các nền kinh tế và xã hội

- Thúc đẩy công tác giáo dục, bao gồm xóa mù chữ cho phụ nữ trưởng thành, cầm tay chỉ việc, trong đó có kỹ năng phi truyền thống, và chỉ bảo hướng dẫn để phụ nữ có khả năng thăng tiến trong nghề nghiệp
- Tư vấn nghề nghiệp cho phụ nữ trẻ và khuyến khích họ nghiên cứu khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) và các môn học mà nam giới chiếm ưu thế, cũng như khả năng tiếp cận giáo dục và đào tạo kỹ thuật và hướng nghiệp, hỗ trợ, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc không được trả lương để phụ nữ có thể hoàn thành việc học của mình
- Giải quyết tình trạng quấy rối tình dục và bạo lực lan tràn tại nơi làm việc thông qua các luật cụ thể, tập huấn cho các cán bộ, có cơ chế thủ tục khiếu nại đầy đủ và hỗ trợ phụ nữ đưa các vụ việc này ra pháp luật
- Sử dụng các mục tiêu và chỉ tiêu nhằm tăng tỉ lệ tham gia của phụ nữ trong các ngành nghề do nam giới chiếm ưu thế, bao gồm vai trò ra quyết định trong khu vực công.

HỘP 1

Vai trò của Nhà nước trong tạo ra việc làm bền vững tại Brazil

Từ năm 2001 tới 2009, 17 triệu việc làm mới đã được tạo ra ở Brazil, trong đó có hơn 10 triệu việc làm mà người lao động có thể an sinh xã hội (Carteira de Trabalho). Đây là một bước chuyển biến lớn từ những năm 1990, khi tỷ lệ thất nghiệp tăng gấp đôi, khu vực phi chính thức tăng mạnh và tiền lương thực tế giảm.²⁰ Điều này cho thấy những can thiệp đúng đắn của Chính phủ có thể mang lại những kết quả ấn tượng, ngay cả trong bối cảnh tình trạng việc làm ngày càng bấp bênh và dễ thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu.

Tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ đã tăng từ 54% lên 58% từ 2001 tới 2009, và tỉ lệ có thể tiếp cận những công việc có thể an sinh xã hội đã tăng từ 30% lên 35%.²¹ Lương tối thiểu tăng gấp đôi trong những năm 2000 cũng đã có những tác động đáng kể tới khoảng cách giới trong trả lương. Từ 1995 tới 2007, khoảng cách giới trong trả lương đã giảm từ 38% xuống còn 29%. Điều quan trọng là khoảng cách giới trong trả lương giảm đi vì mức lương của cả phụ nữ và nam giới đều tăng lên chứ không vì mức lương của nam giới giảm đi.²²

Thành tựu của Brazil trong tạo việc làm bền vững là kết quả của một loạt các chính sách kinh tế và xã hội. Chính sách kinh tế vĩ mô hướng tới tăng trưởng toàn diện đã góp phần tạo việc làm. Các khoản đầu tư vào thanh tra lao động, đơn giản hóa các chi phí đăng ký và quản lý thuế đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã giúp đưa thêm việc làm và các doanh nghiệp vào khu vực chính thức.²³ Giá trị thực tế của mức lương tối thiểu gia tăng đã giúp giảm nghèo và đóng góp 66% vào giảm bất bình đẳng từ năm 2000 tới năm 2008. Các chính sách bảo trợ xã hội cũng đã tạo tác động to lớn: tình trạng bất bình đẳng giảm 16% do lợi ích từ lương hưu tăng và giảm 12% do chương trình phúc lợi xã hội Bolsa Familia.²⁴

3. TĂNG CƯỜNG SỰ ỔN ĐỊNH THU NHẬP CỦA PHỤ NỮ TRONG SUỐT CUỘC ĐỜI

Do phải đối mặt với bất bình đẳng về cơ hội việc làm và tập trung trong các ngành nghề được trả lương thấp, phụ nữ đặc biệt dễ rơi vào tình trạng kinh tế bấp bênh và phụ thuộc về tài chính. Các cuộc điều tra hộ gia đình cho thấy tại 41 trên tổng số 75 quốc gia, phụ nữ trong độ tuổi làm việc rơi vào hộ nghèo thường cao hơn so với nam giới.

Các chính sách tài khóa, lương và bảo trợ xã hội, nếu được thiết kế hợp lý - bao gồm mức lương tối thiểu, phụ cấp gia đình và trẻ em, hưu trí cho người già - có thể là những công cụ hữu hiệu để xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiệt thòi về kinh tế-xã hội của phụ nữ và bảo đảm phụ nữ được hưởng quyền có mức sống thỏa đáng. Những vấn đề này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh cơ cấu nhân khẩu học, gia đình và hộ gia đình đang ngày càng thay đổi cũng như những cú sốc kinh tế nảy sinh. Cần triển khai các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường sự ổn định thu nhập của phụ nữ thông qua:

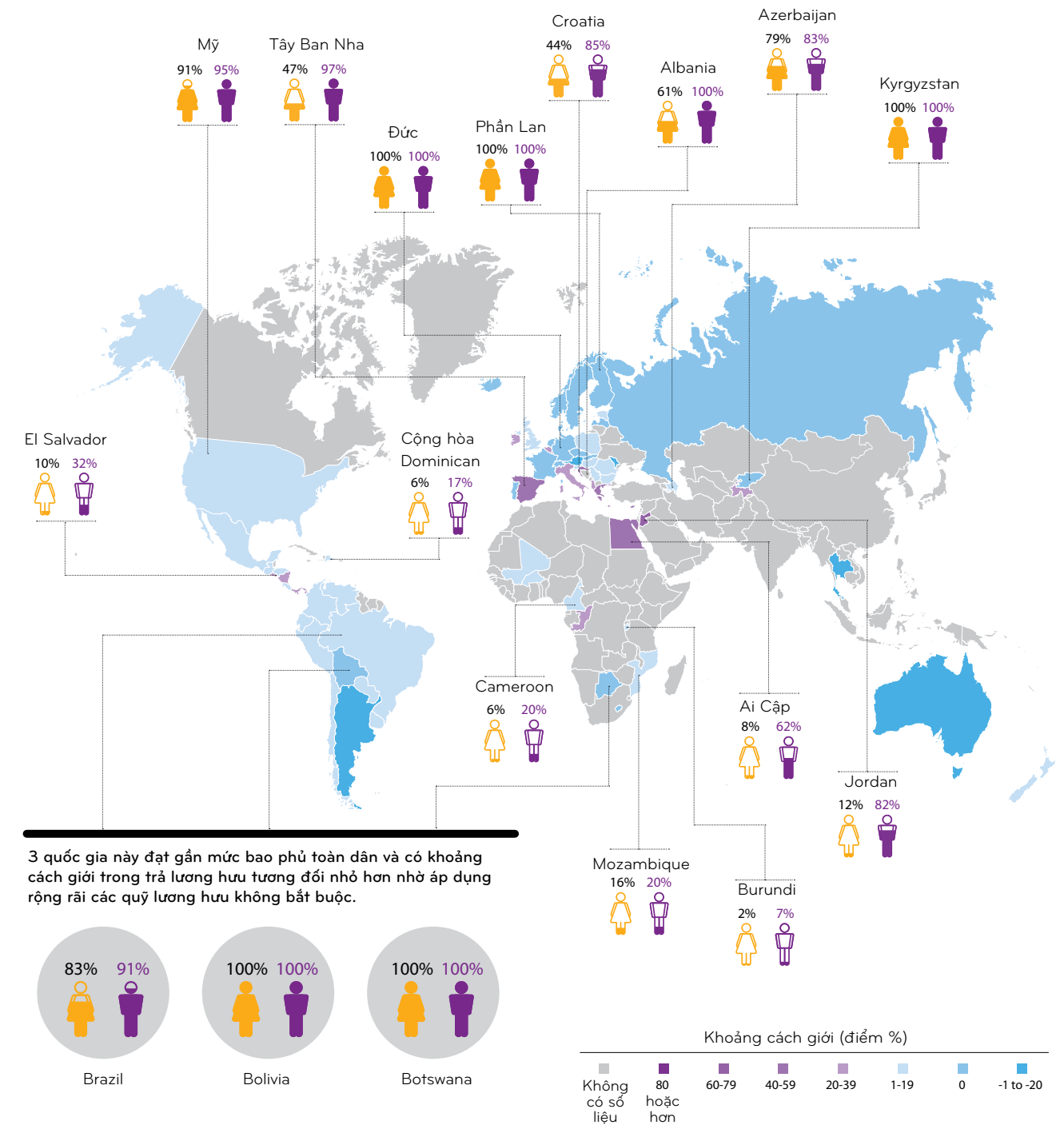
- Giúp phụ nữ tiếp cận bảo trợ thất nghiệp, thông qua các chương trình việc làm công, và đặt ra mức sàn lương thông qua chính sách tiền lương tối thiểu được thiết kế tốt, thông qua đó có thể làm giảm khoảng cách giới trong trả lương

- Trợ cấp nuôi con nhằm hỗ trợ chi phí nuôi con cho các gia đình cũng như các quỹ lương hưu không bắt buộc nhằm đảm bảo thu nhập cho phụ nữ khi về già (xem Hình 4)
- Triển khai trợ cấp xã hội vô điều kiện và phổ cập bất cứ nơi nào có thể để tránh kỳ thị và định kiến
- Đảm bảo quyền phụ nữ là trung tâm của các chương trình trợ cấp tiền bằng cách thu hút sự tham gia của những người hoạt động trong lĩnh vực bình đẳng giới vào quá trình thiết kế các chương trình này và kêu gọi những nhà hoạt động này cung cấp các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng và khả năng tiếp cận các dịch vụ thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ
- Cải tổ hệ thống lương hưu bắt buộc nhằm giảm khoảng cách giới trong tiếp cận và mức độ hưởng lợi, bao gồm áp dụng giảm trừ thuế cho người phụ thuộc để bù đắp cho những khoản đóng góp 'bị mất đi' trong những khoảng thời gian không tham gia lực lượng lao động do phải chăm sóc những người phụ thuộc
- Đảm bảo mọi mức độ hưởng lợi đều được điều chỉnh thường xuyên để tính tới những yếu tố như chi phí sinh hoạt tăng lên.

Hình 4

Tỉ lệ người thuộc độ tuổi được hưởng lương hưu theo pháp luật thực tế nhận lương hưu theo giới tính tại một số quốc gia 2006-2012

→ Tại nhiều nước, phụ nữ ít có khả năng nhận lương hưu hơn so với nam giới



Nguồn: ILO 2014. Báo cáo Bảo trợ Xã hội Thế giới 2014-15: Tiến hành hồi phục kinh tế, Phát triển toàn diện và Công bằng xã hội. Geneva: ILO.

Ghi chú: Dữ liệu này để cập tới những số liệu mới nhất trong thời kỳ xác định. Xem Phụ lục 5 về Tiến bộ của Phụ nữ Thế giới 2015-2016, để có danh sách các quốc gia có dữ liệu. Các khoản lợi ích từ lương hưu mà phụ nữ và nam giới nhận được khác nhau rất nhiều giữa các nước và trong nội bộ từng nước. Ngay cả khi tỉ lệ phụ nữ và nam giới được hưởng lương hưu khá lớn thì vẫn có những khoảng cách lớn về giới ở mức độ hưởng lợi; hoặc các quỹ lương hưu không qua đóng góp mà phụ nữ phụ thuộc nhiều hơn vào những quỹ này hơn nam giới.

4. CÔNG NHẬN, GIẢM THIỂU, VÀ TÁI PHÂN BỐ VIỆC CHĂM SÓC KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG VÀ VIỆC NHÀ

Việc nhà và việc chăm sóc không được trả công đóng góp cho phát triển kinh tế và đời sống tinh thần sức khỏe của con người thông qua việc nuôi dưỡng những con người khỏe mạnh, làm việc tích cực và có khả năng học hỏi, sáng tạo. Tuy nhiên gánh nặng của những công việc này được phân bổ không công bằng. Trong điều kiện không có trợ giúp phù hợp của các dịch vụ chăm sóc, trách nhiệm nặng nề của người phụ nữ đối với việc nhà và việc chăm sóc không được trả lương có thể làm trầm trọng hơn sự thiệt thòi về kinh tế xã hội của họ, do những trách nhiệm này sẽ cản trở phụ nữ tiếp cận giáo dục, chăm sóc sức khỏe, các công việc được trả lương, cũng như tham gia vào các hoạt động chính trị và văn hóa (Xem Hình 5).

Nhằm đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ, việc chăm sóc gia đình và việc nhà cần được công nhận, giảm thiểu, và tái phân bổ như sau:

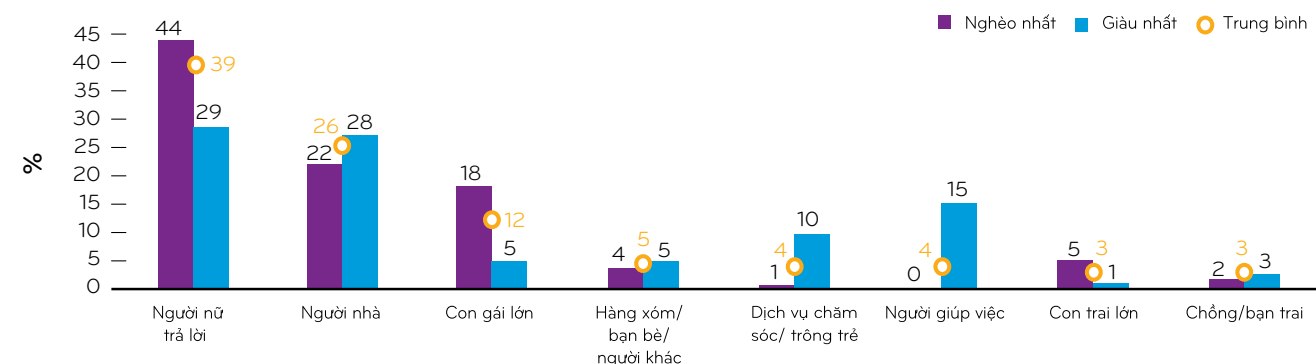
- Nhân rộng đầu tư vào cơ sở hạ tầng cơ bản, bao gồm các công trình nước sạch và vệ sinh để tiếp cận, giá cả hợp lý, và đạt tiêu chuẩn chất lượng

- Tăng cường các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục và y tế - những dịch vụ hỗ trợ cho việc chăm sóc không được trả lương, đồng thời, phát triển những dịch vụ này cũng tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho phụ nữ
- Hỗ trợ cho người làm công việc chăm sóc không được trả công, đảm bảo họ có tiếng nói trong quá trình lập chính sách và công nhận họ là một phần của hệ thống y tế công vững mạnh chứ không phải lựa chọn thay thế bên cạnh hệ thống y tế công
- Cung cấp dịch vụ chăm sóc người già và trẻ em dễ tiếp cận, giá cả hợp lý, chất lượng tốt và đáp ứng nhu cầu của các bậc phụ huynh đi làm cũng như những người làm công việc chăm sóc không được trả công khác
- Can thiệp để có một hệ thống nghỉ phép hưởng lương toàn diện, bao gồm chế độ nghỉ sinh của người mẹ, nghỉ sinh của người cha và nghỉ chăm con của cha mẹ cho tất cả người lao động, kể cả những người làm việc trong khu vực phi chính thức, đặc biệt là khuyến khích người cha tham gia chăm sóc con cái.

Hình 5

Phân bố việc chăm sóc con cái điển hình của phụ nữ đi làm có con dưới 6 tuổi

→ Rất ít phụ nữ có việc làm ở các nước đang phát triển tiếp cận được dịch vụ chăm sóc/ trông trẻ



Nguồn: Trung bình không trọng số tính bởi UN Women sử dụng dữ liệu của ICF International, 2015. "Chương trình thống kê dữ liệu của DHS." Đánh giá Tháng Ba 2015.
Ghi chú: N=31 nước đang phát triển. Khảo sát được thực hiện từ năm 1995 tới năm 2002. Chỉ số này tương ứng với phần trăm số người trả lời câu hỏi là "Ai chăm sóc con của bạn khi bạn đi làm?"

5. ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Các dịch vụ công đóng vai trò thiết yếu trong việc thực hiện các quyền của phụ nữ cũng như giúp đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ trong nhiều lĩnh vực. Ví dụ như nếu không có đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các quyền về tình dục và sinh sản của phụ nữ và trẻ em gái sẽ rất khó được thực hiện đầy đủ. Và như đã đề cập trước đó, nếu không có những địa điểm chăm sóc trẻ với giá cả hợp lý, quyền làm việc của người phụ nữ sẽ bị hạn chế. Đầu tư vào các dịch vụ công phải được nhân rộng và việc cung cấp dịch vụ này cần được điều chỉnh để đáp ứng quyền của phụ nữ (xem Hộp 2). Các bước chính bao gồm:

- Tăng cường đầu tư vào dịch vụ công, bao gồm y tế, nước sạch, vệ sinh và các dịch vụ chăm sóc, đảm bảo giá cả hợp lý bằng cách chuyển hình thức thu phí đối với người sử dụng dịch vụ sang huy động vốn đầu tư vào dịch vụ công mang tính tập thể hơn, ví dụ, như qua an sinh xã hội hoặc thuế chung
- Đưa ra các can thiệp để đảm bảo toàn dân có thể tiếp cận dịch vụ y tế với mức giá hợp

lý thông qua hệ thống y tế quốc gia hoặc kết hợp hiệu quả giữa đồng bảo hiểm và ngân sách nhà nước

- Đưa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu đến gần hơn với phụ nữ thông qua đội ngũ cán bộ y tế cộng đồng và các phòng khám di động
- Cung cấp các dịch vụ tích hợp nhằm giải quyết vấn đề bạo lực với phụ nữ cũng như các dịch vụ y tế toàn diện về sức khỏe tình dục và sinh sản, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, thông tin và giáo dục
- Mở rộng độ bao phủ và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em và người phụ thuộc, bao gồm người khuyết tật và người già
- Tăng cường mối quan hệ tích cực giữa người sử dụng dịch vụ và người cung cấp dịch vụ chăm sóc bằng cách nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về quyền của phụ nữ, khích lệ nhân viên tôn trọng quyền phụ nữ, đảm bảo trả lương đầy đủ và điều kiện làm việc tốt.

HỘP 2

Rwanda tỷ lệ tử vong sản khoa giảm nhanh

Năm 2013, các nước vùng cận Sa-ha-ra ở châu Phi chiếm tới khoảng 62% tổng số tử vong sản khoa trên toàn thế giới.²⁵ Đa số các biến chứng dẫn đến tử vong cho người mẹ khi mang thai và khi sinh có thể phòng ngừa bằng cách nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe tiền sản hiệu quả và có người đỡ đẻ chuyên nghiệp, bao gồm cấp cứu cho sản phụ. Tuy nhiên, việc sử dụng các dịch vụ còn hạn chế vì thiếu thông tin, các cơ sở y tế khó tiếp cận và chi phí quá cao. Chất lượng chăm sóc thấp dẫn đến chẩn đoán sai và không điều trị được các biến chứng trong thai kỳ.

Kinh nghiệm của Rwanda cho thấy các rào cản này đều có thể vượt qua được. Sau cuộc diệt chủng năm 1994, Rwanda là một trong những nước nghèo nhất thế giới. Hệ thống y tế bị tàn phá và tỷ lệ tử vong sản khoa cao hơn mức trung bình trong khu vực rất nhiều. Tuy nhiên, Rwanda đã giảm số lượng tử vong ở phụ nữ mang thai nhanh hơn hầu hết các nước khác trong khu vực cận Sa-ha-ra, từ 1.400 ca tử vong trên mỗi 100.000 ca sống năm 1990 xuống tới 310 năm 2013. Đây là một trong bốn quốc gia ít ỏi trong khu vực này đang thực hiện tốt Mục tiêu Phát triển Thiên nhiên kỷ (MDG) với mục tiêu giảm 3/4 tỷ lệ tử vong sản khoa từ năm 1990 đến năm 2015.²⁶

Rwanda đạt được thành tựu ấn tượng như trên nhờ kết hợp các biện pháp khác nhau²⁷: nhanh chóng triển khai bảo hiểm y tế đã xóa bỏ rào cản tài chính khi tiếp cận dịch vụ y tế, đặc biệt là dịch vụ cứu thương chuyển lên tuyến trên cho những ca cấp cứu; việc mở rộng trên phạm vi toàn quốc các trung tâm y tế công cộng có trang bị thiết bị đầy đủ được tự chủ về quản lý đã tạo điều kiện cung cấp tài chính dựa trên hiệu quả hoạt động; cán bộ y tế cộng đồng được đào tạo bài bản về chăm sóc sức khỏe tiên sản và đỡ đẻ trong các trung tâm y tế, đồng thời khuyến khích vệ sinh thân thể, bảo hiểm y tế và kế hoạch hóa gia đình; các công nghệ di động mới giúp các cán bộ y tế cộng đồng theo dõi thai nhi và phản ứng kịp thời khi có biến chứng và chuyển tuyến cấp cứu bệnh nhân khi cần thiết; các cán bộ y tế cộng đồng và các cán bộ y tế khác được thưởng nếu đạt được các mục tiêu về sinh sản, chăm sóc trẻ em, và khi họ cung cấp các dịch vụ tốt, thăm hỏi và theo dõi tình trạng bệnh nhân đều đặn.

6. TỐI ĐA HÓA CÁC NGUỒN LỰC NHẪM ĐẠT ĐƯỢC BÌNH ĐẲNG THỰC CHẤT

Các chính sách kinh tế vĩ mô có thể và nên hỗ trợ thực hiện các quyền của phụ nữ (xem Hình 6), bằng cách tạo ra các nền kinh tế năng động và ổn định, tạo việc làm bền vững, và huy động các nguồn lực tài trợ cho các chính sách công có tính đến yếu tố giới, bao gồm bảo trợ xã hội. Các nghiên cứu cho thấy mức bảo trợ xã hội cơ bản không quá đắt đỏ ngay cả đối với các nước thu nhập thấp. Tuy nhiên để tài trợ một chương trình chính sách toàn diện cho bình đẳng thực chất đòi hỏi huy động nhiều hơn nữa các nguồn lực cũng như đảm bảo các nguồn tài trợ được huy động và phân bổ cho lợi ích của phụ nữ và trẻ em gái. Các biện pháp cụ thể cho chính phủ bao gồm:

- Điều chỉnh ưu tiên cho chi tiêu, ví dụ chuyển chi tiêu của quân đội sang các dịch vụ công đáp ứng nhu cầu giới
- Tăng thu ngân sách từ hệ thống thuế bằng cách củng cố việc thực hiện các nghĩa vụ thuế hiện hành và mở rộng cơ sở tính thuế, đi đôi với đó cần chú ý tới các tác động phân bổ thu nhập: thuế thu nhập và thuế tài sản, thuế tiêu

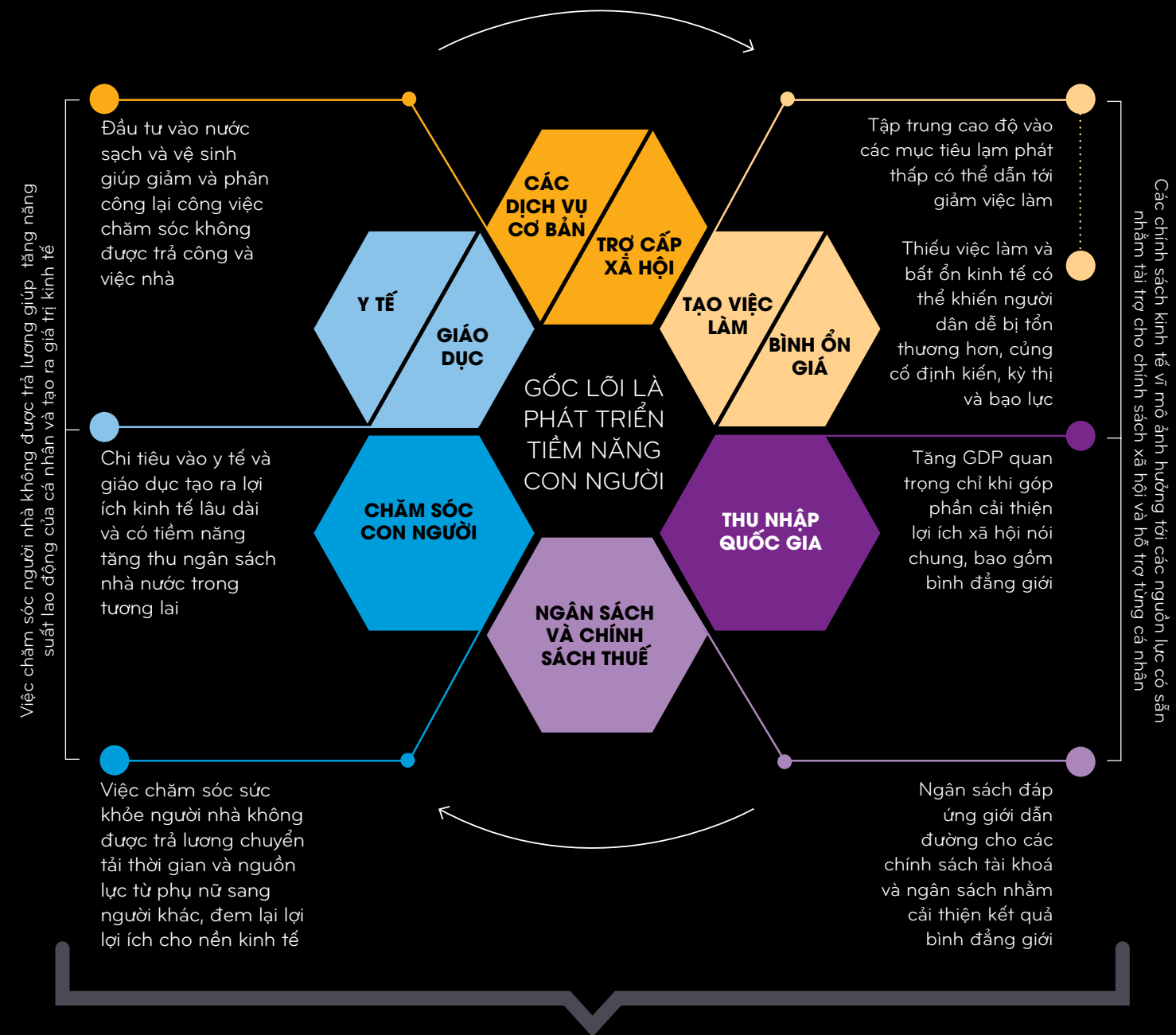
thụ đặc biệt nói chung tiến bộ và công bằng hơn so với thuế gián thu như thuế giá trị gia tăng (VAT). Có thể giảm tác động tiêu cực của thuế gián thu thông qua việc miễn thuế cho các hàng hoá và dịch vụ cơ bản

- Vay trong nước và quốc tế để đầu tư xã hội vào giáo dục, dịch vụ y tế và chăm sóc giúp tăng cường năng lực của con người. Tương tự như đầu tư vào cơ sở vật chất, đầu tư xã hội sẽ có lợi trong tương lai, bao gồm xây dựng một lực lượng lao động khỏe mạnh và có kỹ năng cao
- Đảm bảo nguồn thu cho ngân sách từ tài nguyên thiên nhiên, qua các biện pháp như phí thuê mỏ, phí khai thác và các quỹ được bảo lưu được sử dụng cho bảo trợ xã hội và dịch vụ xã hội
- Thực thi các cách tiếp cận có tính đến yếu tố giới trong lập ngân sách nhằm đảm bảo các chính sách huy động nguồn lực và phân bổ chi tiêu có ảnh hưởng một cách công bằng tới phân bổ thu nhập và hỗ trợ quyền phụ nữ.

Hình 6

CÁCH TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ DỰA TRÊN CÁC QUYỀN

Sự chia tách giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là do con người tạo ra; kết nối hai yếu tố này là chìa khóa để thực hiện các quyền



MỤC TIÊU CUỐI CÙNG

Thực hiện đầy đủ quyền kinh tế và xã hội cho tất cả mọi người

7. HỖ TRỢ CÁC TỔ CHỨC PHỤ NỮ ĐẤU TRANH CHO QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ ĐỊNH HÌNH CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CHÍNH SÁCH CÁC CẤP

Hành động tập thể của phụ nữ là chìa khóa dẫn tới bình đẳng giới thực chất. Hành động này hiệu quả nhất khi những người ủng hộ quyền của phụ nữ ở cấp cơ sở, các tổ chức xã hội dân sự, các viện nghiên cứu và các khoa trong trường đại học có thể xây dựng hợp tác chiến lược với các thành viên tích cực trong các đảng chính trị, cơ quan chính phủ, và các tổ chức trong khu vực và quốc tế. Công việc này đòi hỏi những người ủng hộ quyền của phụ nữ cần có khả năng đánh giá, kỹ năng làm việc, sự nhanh nhạy và kiên trì trong công cuộc đấu tranh quyền cho phụ nữ cũng như trong quá trình tiếp cận thông tin, thảo luận chính sách và đưa ra quyết định (xem bài: Vươn lên từ tro bụi). Có thể tăng cường khả năng xác định và thực hiện mục tiêu, tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ trong những quá trình này bằng cách:

- Đảm bảo một khung pháp lý thuận lợi cho phụ nữ thành lập các tổ chức bao gồm các cơ chế đảm bảo vận động xã hội dân sự về quyền phụ nữ, cũng như đảm bảo quyền được thành lập và tham gia các công đoàn
- Mở rộng nguồn kinh phí tài trợ cho các tổ chức phụ nữ tham gia vận động chính sách với chính phủ, bao gồm tăng nguồn tài trợ chính và dài hạn nhiều năm - đây là mangel mà các nhà tài trợ tư nhân và song phương cũng như các tổ chức quốc tế đóng vai trò quan trọng

- Đảm bảo phụ nữ được đại diện một cách bình đẳng ở các vị trí lãnh đạo trong công đoàn và các phong trào xã hội khác, và các vấn đề về quyền phụ nữ phải được ưu tiên trong các quá trình thương lượng tập thể
- Hỗ trợ việc phổ biến kiến thức nữ quyền về các vấn đề chính sách quan trọng như chính sách tiền tệ, thiết kế hệ thống lương hưu hay cải cách ngành y tế. Những vấn đề này đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống của phụ nữ nhưng thường đòi hỏi hiểu biết kỹ thuật chuyên môn về từng lĩnh vực
- Hỗ trợ tăng cường năng lực trong các tổ chức phụ nữ để vận động thay đổi chính sách, ví dụ như tài trợ đào tạo về những tác động giới của các chính sách kinh tế và xã hội
- Thiết lập các cơ chế phản hồi ý kiến về việc thực hiện chính sách thông qua các hoạt động kiểm toán xã hội, bởi các tổ chức phụ nữ và những người sử dụng dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và trách nhiệm giới của các quy định chính phủ, bảo trợ xã hội và các dịch vụ xã hội.



Ảnh: UN Women/Saiful haq Omi

Buổi sáng ngày 24 tháng Tư năm 2013, hàng ngàn công nhân đến làm tại tòa nhà thương mại 8 tầng Rana Plaza ngoại ô thành phố Dhaka. Chỉ vài giờ sau, tòa nhà sụp đổ, 1.137 người bị chết và 2.500 người bị thương. Đa số những người bị thiệt mạng buổi sáng hôm đó đều là phụ nữ.

Phụ nữ chiếm 80% tổng số 4,2 triệu người lao động trong ngành may mặc xuất khẩu. Đối với nhiều người, công việc này là cơ hội đầu tiên để có thể độc lập về kinh tế và làm việc bên ngoài xã hội. Tuy nhiên, bị kịch ở Rana Plaza chứng minh rằng công việc này là một con dao hai lưỡi. Ngành công nghiệp may mặc đã tạo ra những nơi làm việc nguy hiểm, không an toàn, bóc lột sức lao động một cách khủng khiếp, ở đó người phụ nữ phải đối mặt với khoản lương thấp, bất công, bị chửi mắng và bạo lực.

"Họ có thể dễ dàng cho người phụ nữ vận hành máy khâu nhưng khi thấy người phụ nữ đó trở thành người quản đốc thì họ kém vui hẳn." chị Kalpona Akter, giám đốc điều hành Trung tâm liên minh lao động Bangladesh cho biết. Chị Kalpona bắt đầu làm việc ở nhà máy may mặc khi mới 12 tuổi. Chị nói, "Rất nhiều người trong số những phụ nữ này bị buộc phải làm việc trong môi trường không an toàn và không công bằng bởi họ không có khả năng thay đổi thực tế."

Sự kiện ở Rana Plaza là một bước ngoặt. Cả thế giới phần nộ vì thảm họa này, khiến chính phủ Bangladesh phải công bố một loạt thay đổi về luật lao động, bao gồm giảm bớt các quy định ngặt nghèo về thành lập công đoàn, thuê thêm thanh tra nhà máy và tăng mức lương tối thiểu cho công nhân may mặc thêm 77%.

Cùng lúc đó, các nhãn hiệu may mặc quốc tế đặt hàng

→ TẠO CHUYỂN BIẾN/ NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ SỰ ĐỔI THAY

VƯƠN LÊN TỪ TRO BỤI

Thay đổi tích cực từ thảm kịch của ngành may mặc Bangladesh

gia công từ Bangladesh cùng chung sức với công đoàn, các phong trào đoàn kết công nhân quốc tế và các tổ chức phi chính phủ thành lập Hiệp định về an toàn xây dựng và cháy nổ ở Bangladesh. Cho tới nay, trên 190 nhãn hiệu may mặc của trên 20 quốc gia đã ký hiệp định này, áp dụng cho 1.500 nhà máy sử dụng khoảng 2 triệu công nhân. Năm 2014, mạng lưới 110 kỹ sư làm việc độc lập đã tiến hành thanh tra hàng trăm nhà máy và phát hiện ra 80.000 vấn đề về an toàn và đình chỉ sản xuất 17 nhà máy.

"Thảm họa ở Rana Plaza đã tạo ra nền tảng cho công nhân được liên kết với nhau," chị Kalpona nói. "Trong vòng hai năm qua, có khoảng 200 công đoàn công nhân may mặc đã được đăng ký hoạt động, với 65% lãnh đạo và đa số thành viên đều là phụ nữ. Thách thức bây giờ là làm sao để duy trì bền vững những thay đổi tích cực này."

Những thách thức này rất là lớn. Mặc dù có nhiều luật lao động mới, chỉ có 5% công nhân may mặc và dưới 300 nhà máy là có công đoàn. Quỹ tài trợ Rana Plaza do Liên Hiệp Quốc thành lập ra nhằm đền bù cho những người bị thương và thân nhân của những người thiệt mạng số tiền là 40 triệu đô-la Mỹ, nhưng đến nay Quỹ này vẫn còn thiếu đến 9 triệu đô-la Mỹ. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có những tín hiệu tích cực. Từ tro bụi của Rana Plaza, những thay đổi tích cực tiếp tục được phát huy.

"Những người phụ nữ trong những nhà máy ở Bangladesh bắt đầu cảm thấy là tiếng nói của họ cuối cùng cũng được lắng nghe," chị Kalpona nói. "Và đây thực sự là một bước tiến vượt bậc".

Bài: Annie Kelly. Câu chuyện này được trích từ phóng sự nhiều phần mang tên

8. TẠO RA MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU MANG TÍNH THÚC ĐẨY VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA PHỤ NỮ

Sự hội nhập kinh tế toàn cầu đã hạn chế ít nhiều năng lực của các chính phủ trong việc sử dụng chính sách kinh tế vĩ mô để tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc thực hiện quyền lợi kinh tế và xã hội. Ví dụ, các nước đang phát triển gặp rất nhiều khó khăn huy động các nguồn lực trong khi các nước khác trở thành thiên đường trốn thuế hoặc duy trì chế độ thuế rất thấp.

Hệ thống quản trị toàn cầu hiện nay làm gia tăng chia tách giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, đồng thời cũng làm giảm sự quan tâm tới kết quả phân bổ thu nhập trong đó có bất bình đẳng giới. Đầu tư vào phát triển con người và bình đẳng giới được coi là các vấn đề chính sách trong nước và vì thế không được ưu tiên trên các diễn đàn chính sách kinh tế toàn cầu. Các biện pháp vững chắc nhằm tạo ra môi trường toàn cầu giúp đạt được bình đẳng thực chất cho phụ nữ bao gồm:

- Khuyến khích ổn định kinh tế và phòng chống những cú sốc và khủng hoảng kinh tế vì khủng hoảng kinh tế luôn ảnh hưởng những người nghèo nhất, thông qua các chính sách vĩ mô thận trọng nhằm giảm thiểu biến động kinh tế và nguy cơ khủng hoảng tài chính, cũng như kiểm soát vốn và điều tiết các thị trường tài chính quốc tế tốt hơn

- Cải thiện sự hợp tác toàn cầu nhằm xóa bỏ thiên đường trốn thuế và giảm trốn tránh thuế, giảm cạnh tranh về thuế nhằm giúp các nước huy động các nguồn lực hiệu quả hơn trong môi trường quốc tế
- Đảm bảo rằng các hiệp định thương mại và đầu tư quốc tế không làm ảnh hưởng tiêu cực đến không gian chính sách cho việc công nhận các quyền của phụ nữ, ví dụ như tạo ra các rào cản đối với việc mở rộng các dịch vụ y tế công hay giao thông công cộng
- Tăng trách nhiệm giải trình của các thể chế kinh tế và tài chính toàn cầu về các tác động mang tính phân bổ do hoạt động của các thể chế này, bao gồm về bình đẳng giới.
- Chính thức công nhận cách tiếp cận chung đối với các nghĩa vụ ngoài lãnh thổ của các Quốc gia, các công ty liên quốc gia và các thể chế quốc tế, dựa trên các nguyên tắc Maastricht.
- Dân chủ hóa các thể chế quản trị kinh tế toàn cầu bằng cách tăng cường tiếng nói của các nước nghèo và các tổ chức xã hội dân sự trong các quyết định ảnh hưởng đến họ.

9. SỬ DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỂ ĐỊNH HÌNH CHÍNH SÁCH VÀ TẠO ĐỘNG LỰC THAY ĐỔI

Điều cốt yếu là phải thu hẹp khoảng cách giữa các chuẩn mực toàn cầu về quyền con người với các chính sách thúc đẩy các quyền của phụ nữ. Bằng cách định nghĩa bình đẳng thực chất, hệ thống nhân quyền quốc tế đã nhấn mạnh rằng bình đẳng nên được hiểu theo cả nghĩa kết quả và cơ hội, chỉ ra các nguyên nhân mang tính cấu trúc về bất bình đẳng và đề ra các nghĩa vụ của các Quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề này.

Hầu như tất cả các quốc gia đều đã thông qua CEDAW, nhưng nhiều nước vẫn bảo lưu hạn chế việc thực hiện công ước này (xem Hình 7). Hệ thống nhân quyền, bao gồm Hội đồng Nhân quyền, các cơ quan hiệp ước, các đặc phái viên, và các cơ quan nhân quyền khu vực và trong nước có thể hỗ trợ các chính phủ hơn nữa trong xây dựng và giám sát thực hiện các chính sách, giúp các

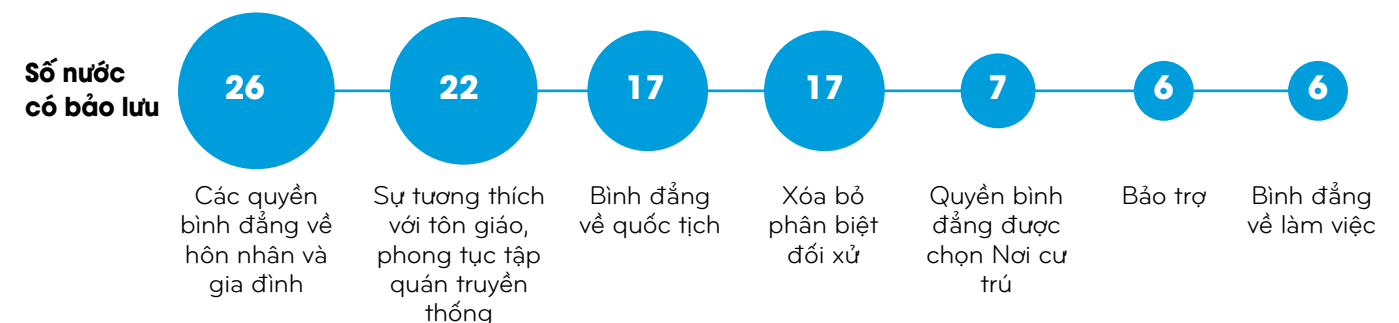
chính phủ hoàn thành nghĩa vụ và hiện thực hóa bình đẳng thực chất cho phụ nữ bằng cách:

- Hướng dẫn cách thức để công nhận, giảm bớt và tái phân bổ công việc chăm sóc gia đình không được trả lương thông qua các chính sách kinh tế xã hội
- Làm rõ và hướng dẫn cách thức để các chính sách kinh tế vĩ mô có thể hỗ trợ chứ không hạn chế phụ nữ hưởng thụ các quyền của mình
- Đề xuất các bước cụ thể để đảm bảo thực hiện bảo trợ xã hội cơ bản ở cấp quốc gia để đảm bảo phụ nữ có thể thụ hưởng quyền hưởng bảo trợ xã hội công bằng với nam giới.

Hình 7

Bảo lưu Công ước CEDAW

→ Hầu hết tất cả các nước trên thế giới đã thông qua CEDAW nhưng còn rất nhiều nước vẫn bảo lưu, hạn chế việc thực hiện hiệp định này trên thực tế



Nguồn: Xem phụ lục 6, báo cáo Sự tiến bộ của phụ nữ thế giới năm 2015-2016.

10. ĐƯA RA BẰNG CHỨNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC QUYỀN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHỤ NỮ

Tình trạng thiếu hụt dữ liệu liên quan tới các quyền kinh tế xã hội của phụ nữ còn phổ biến. Khi xem xét các yêu cầu giám sát chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015, có nhiều lời kêu gọi cần một 'cuộc cách mạng về dữ liệu'. 'Cuộc cách mạng dữ liệu' này cần được lồng ghép giới nhằm đưa ra nhiều bằng chứng hơn và thuyết phục hơn, phân tách theo giới, vị thế kinh tế xã hội, vị trí địa lý, chủng tộc và dân tộc, để nắm được những bất bình đẳng đa chiều và chồng chéo mà phụ nữ đang phải đối mặt. Các nhà tài trợ và các chính phủ cần phải hợp tác hỗ trợ và tài trợ cho các văn phòng số liệu thống kê quốc gia, đặc biệt ở các nước có thu nhập thấp nhằm đảm bảo số liệu kịp thời và thống nhất trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các vấn đề cần ưu tiên gồm:

- Triển khai dữ liệu thống kê nghèo đói toàn cầu, trong đó đo lường khả năng sử dụng lương hoặc trợ cấp xã hội cho bản thân, đây là một chỉ số về sự độc lập tài chính của phụ nữ
- Thường xuyên thực hiện khảo sát về việc 'sử dụng thời gian' và đảm bảo khả năng tương thích giữa các nước và sau đó đánh giá tác động của các chính sách công, sức kinh tế và thẩm họa tự nhiên tới gánh nặng công việc của người phụ nữ
- Tăng số lượng quốc gia thường xuyên thu thập các số liệu lao động ở khu vực không chính thức có phân tách giới
- Xây dựng các tiêu chuẩn cho việc thu thập và phân tích dữ liệu thống kê về khoảng cách giới trong trả lương, bao gồm phương pháp có thể phản ánh bất bình đẳng giới trong thu nhập của lao động tự do

- Hỗ trợ phát triển các phương pháp mới nhằm đo lường cơ hội sở hữu tài sản và làm chủ doanh nghiệp của phụ nữ
- Đưa ra các số liệu thống kê có thể so sánh và tách biệt liên quan tới mức tiền tiêu vật của trẻ em và gia đình, tiền trợ cấp thất nghiệp và lương hưu
- Xây dựng các tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá chất lượng của các dịch vụ xã hội, bao gồm khả năng đáp ứng quyền của phụ nữ và trẻ em gái
- Thực hiện các cuộc khảo sát thường xuyên về bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái dựa trên các tiêu chuẩn toàn cầu
- Đầu tư vào hệ thống đăng ký hộ tịch và nhân thân nhằm đảm bảo lưu giữ chính xác số sinh số tử để cải thiện chất lượng và tính sẵn có của số liệu về tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ em
- Phát triển và tài trợ các nguồn bằng chứng khác, bao gồm nghiên cứu định tính, nhằm nắm bắt những chiều cạnh của bất bình đẳng, trong đó có tình trạng bị kỳ thị, không có tiếng nói và quyền quyết định mục tiêu và thực hiện mục tiêu cuộc đời. Những khía cạnh này của bất bình đẳng thường khó đo lường được nhưng lại rất quan trọng trong việc định hình sự thụ hưởng quyền của phụ nữ và trẻ em gái.

GHI CHÚ CUỐI

1. Tại cuộc họp thứ 59, Ủy ban về địa vị của phụ nữ tháng 3 năm 2015, các quốc gia thành viên đã thỏa thuận một 'Tuyên bố chính trị nhân dịp kỷ niệm 20 năm Hội nghị Thế giới thứ Tư về Phụ nữ,' trong tuyên bố này các nước thành viên đã cam kết 'dùng mọi cơ hội và quá trình trong năm 2015 và các năm sau đó nhằm đẩy nhanh và đạt được việc thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh ... và phần đầu hiện thực hóa toàn bộ vấn đề bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trước năm 2030.' E/ CN.6/2015/L.1.
2. Tính toán dựa trên số liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). 2015. "Các chỉ số căn bản của hệ thống dữ liệu thị trường lao động (KILM)." Truy cập vào tháng 1 năm 2015. http://www.ilo.org/empelm/what/WCMS_114240/lang--en/index.htm.
3. Như trên.
4. Cichon, R. 2014. "Một chặng đường dài tiến tới bình đẳng: Ước lượng thống kê về khoảng cách thu nhập suốt đời theo giới ở một số nước châu Âu." Bài đăng cho ấn phẩm Tiến bộ của Phụ nữ thế giới 2015-2016. UN Women, New York.
5. Phòng kinh tế và xã hội Liên Hợp Quốc. 2010. Phụ nữ của thế giới 2010: Xu hướng và số liệu. New York: Liên Hợp Quốc.
6. Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). 2013. Nhân loại bị chia rẽ: Đối mặt với bất bình đẳng ở các nước đang phát triển. New York: UNDP.
7. Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Quỹ Nhi đồng quốc tế (UNICEF), Quỹ dân số LHQ (UNFPA), Ngân hàng Thế giới và Ban dân số LHQ. 2014. Xu hướng tử vong ở bà mẹ: từ năm 1990 đến năm 2013. Ước tính bởi WHO, UNICEF, UNFPA, Ngân hàng Thế giới và Ban dân số LHQ. Geneva: WHO.
8. Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF). 2015. Tình trạng trẻ em thế giới: Tương tương lại tương lai. New York: UNICEF.
9. Tổ chức lao động quốc tế (ILO). 2012. "Lao động nữ bản xứ: Các trường hợp nghiên cứu ở Bangladesh, Nepal và châu Mỹ." Nghiên cứu 1/2012. ILO, Geneva, trang 10.
10. Liên Hợp Quốc. 2014. Báo cáo Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. LHQ, New York.
11. UN Women (Cơ quan Liên Hợp Quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ). 2014. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và bình đẳng giới. New York: UN Women.
12. Lagarde, C. 2014. "Sức mạnh kinh tế của việc trao quyền cho phụ nữ." Bài phát biểu bởi Giám đốc quản lý, Quỹ tiền tệ quốc tế, Tokyo, 12 tháng 9.
13. Kabeer, N. và L. Natali. 2013. "Bình đẳng giới và phát triển kinh tế: có giải pháp cả hai bên đều có lợi?" Bài làm việc IDS trang 417. Viện nghiên cứu phát triển, Brighton, Vương quốc Anh.
14. Hội đồng về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của LHQ. 2005. Góp ý chung số 16 về quyền bình đẳng được hưởng tất cả các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của nam giới và phụ nữ: Mục 3 của Giao ước (2005). E/C.12/2005/4.
15. Tổ chức lao động quốc tế (ILO). 2014. Báo cáo bảo trợ xã hội thế giới 2014-15: Xây dựng hồi phục kinh tế, phát triển đồng đều và công bằng xã hội. Geneva: ILO.
16. Korpi, W. và J. Palme. 1998. "Nghịch lý về tái phân bổ và chiến lược về bình đẳng: các thể chế phúc lợi nhà nước, bất bình đẳng, và đói nghèo ở các nước phương Tây." Tạp chí xã hội học Mỹ 63, số 5: trang 661-87; Mkandawire, năm 2005. "Xây dựng mục tiêu và phổ thông hóa trong việc giảm nghèo." Bài nghiên cứu số 23 về chính sách xã hội và chương trình phát triển. Viện nghiên cứu về phát triển xã hội của Liên Hợp Quốc, Geneva.
17. Htun, M. và L. Weldon. 2011. "Bình đẳng giới trong luật gia đình: Các di sản lịch sử, phong trào nữ quyền, và quyền lực tôn giáo ở 70 nước." Bài đăng cho báo cáo phát triển thế giới. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC.; Htun, M. và L. Weldon. 2012. "Nguồn gốc dân sự của sự thay đổi tiến bộ về chính sách: Đánh lại bạo lực với phụ nữ trong góc nhìn toàn cầu, 1975-2005." Tạp chí nghiên cứu Khoa học chính trị Mỹ 106, số 3, trang 548-69; Htun, M. và L. Weldon. 2014. "Thay đổi chính sách tích cực liên quan tới quyền kinh tế và xã hội của phụ nữ." Bài viết cho ấn phẩm Tiến bộ của Phụ nữ Thế giới 2015-2016. UN Women, New York.
18. Tính toán của UN Women sử dụng dữ liệu việc làm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). 2015, Tài liệu đã dẫn.
19. UN Women 2015. Tiến bộ của Phụ nữ Thế giới 2015-2016. New York: UN Women, Phụ lục 4.
20. Berg, J. 2010. "Quy luật hay may mắn? Tìm hiểu hình thức hóa đang lên ở Brazil trong những năm 2000." MPRA (Munich Personal RePEc Archive) Bài viết số 43608 / Loạt bài về việc làm bền vững ở Brazil, bài viết làm việc số 5. Tổ chức lao động quốc tế, Brasília.
21. Số liệu này so sánh lượng tăng từ 34% lên 40% đối với nam giới có việc làm. Gam-mage, S., C. Kraft và T. Albuquerque. 2014. "Brazil: Giới và phân tích các thị trường lao động." Bài viết cho ấn phẩm Tiến bộ của Phụ nữ Thế giới 2015-2016. UN Women, New York.
22. Berg, J. 2009. "Brazil: Mức lương tối thiểu là câu trả lời cho cuộc khủng hoảng." Ghi chú của Tổ chức lao động quốc tế về cuộc khủng hoảng. ILO, Geneva.
23. Luật SIMPLES là một chế độ luật đơn giản hóa dành cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Xem Nes, C. F. 2012. "Thuế Brazil - Simples Nacional." Tuần báo kinh tế Brazil. Truy cập ngày 3 tháng 2 năm 2015. <http://thebrazilbusiness.com/article/brazilian-tax-simples-nacional>.
24. Instituto de Pesquisa Econômica Aplicada. 2009. "PNAD 2008: Primeiras Análises." Comunicado da Presidência, Số. 30. 24 Tháng Chín, trích dẫn trong bài viết của Berg 2010, Tài liệu đã dẫn. Bolsa Familia là một chương trình chuyển tiền mặt có điều kiện ở Brazil được mở ra năm 2003 là một phần của chương trình Không đói nghèo của chính phủ Brazil.
25. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và các tác giả khác. 2014, Tài liệu đã dẫn.
26. Như trên.
27. Farmer, P.E., C.T. Nutt, C. Sekabaraga, T. Nuthulaganti, J.L. Weigel, D.B. Farmer, A. Habinshtuti, S.D. Mugeni, J.-C. Karasi và P.C. Drobac. 2013. "Giảm tỷ lệ tử vong do sinh non ở Rwanda: Các bài học thành công." BMJ Trang 346: 65; Chambers, V. và D. Booth. 2012. "Sức khỏe phụ nữ mang thai: Tại sao Rwanda làm tốt hơn Malawi, Niger, và Uganda?" Viện phát triển nước ngoài, London.

UN WOMEN

UN Women là cơ quan của Liên Hợp Quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Là một tổ chức đi đầu về phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập nhằm thúc đẩy tiến trình thực hiện quyền phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới.

UN Women hỗ trợ các quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc lập các tiêu chuẩn toàn cầu để đạt được bình đẳng giới và làm việc với các chính phủ và xã hội dân sự xây dựng luật pháp, chính sách, chương trình và dịch vụ cần thiết để thực hiện các tiêu chuẩn này. UN Women ủng hộ sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong tất cả các mặt của đời sống, chú trọng vào năm lĩnh vực ưu tiên: tăng cường vai trò lãnh đạo và sự tham gia của phụ nữ; chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ; đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong mọi mặt của các quá trình gìn giữ hòa bình và an ninh; tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ; và đảm bảo bình đẳng giới là trọng tâm của quy hoạch phát triển và lập ngân sách quốc gia. Ngoài ra, UN Women cũng điều phối và đẩy mạnh công việc của hệ thống Liên Hợp Quốc để thúc đẩy bình đẳng giới.



220 East 42nd Street
New York, NY 10017, USA
Tel: 646-781-4400
Fax: 646-781-4444

www.unwomen.org
www.facebook.com/unwomen
www.twitter.com/un_women
www.youtube.com/unwomen
www.flickr.com/unwomen